

Số: 93 /2008/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hoá, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh đường bộ**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hoá, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh đường bộ

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

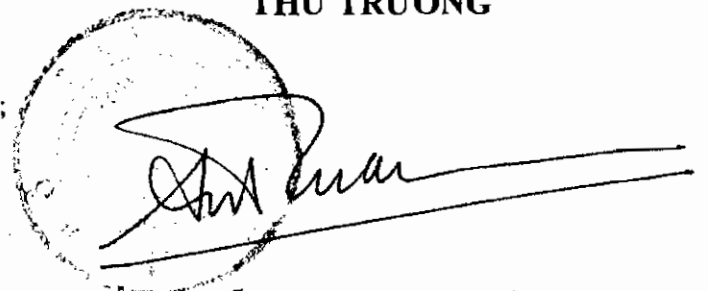
Bãi bỏ Quyết định số 2652/QĐ-TCHQ ngày 21/12/2006 của Tổng cục Hải quan ban hành Quy định tạm thời về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh TNT đường bộ.

**Điều 3.** Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước; VP Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Cơ quan thuộc Chính phủ;
- VKSNDTC, TANDTC; Kiểm toán Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Công báo; Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính
- Cục Hải quan các tỉnh, TP (để thực hiện);
- Lưu: VT, TCHQ.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**



## QUY ĐỊNH

Về thủ tục hải quan đối với hàng hoá, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh đường bộ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 93 / 2008/QĐ-BTC  
ngày 29 / 10 / 2008 của Bộ Tài chính)

### PHẦN A - QUY ĐỊNH CHUNG:

#### 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa, vật phẩm (dưới đây gọi tắt là hàng hóa) xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh đường bộ.

#### 2. Đối tượng điều chỉnh:

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh đường bộ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

#### 3. Tuyến đường, cửa khẩu:

Tuyến đường và cửa khẩu đối với phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh đường bộ như sau:

3.1. Từ Việt Nam đến Trung Quốc và ngược lại qua cửa khẩu Hữu Nghị - tỉnh Lạng Sơn.

3.2. Từ Việt Nam đến Lào / Thái Lan / Singapore / Malaysia và ngược lại qua cửa khẩu Lao Bảo - tỉnh Quảng Trị .

3.3 Từ Việt Nam đến Campuchia và ngược lại qua cửa khẩu Mộc Bài - tỉnh Tây Ninh.

#### 4. Địa điểm làm thủ tục hải quan :

4.1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh được làm thủ tục hải quan tại các địa điểm sau : Chi cục Hải quan Bắc Hà nội, Chi cục Hải quan sân bay quốc tế Đà Nẵng, Chi cục Hải quan sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất.

4.2. Phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa được làm thủ tục hải quan tại các địa điểm sau: Chi cục Hải quan cửa khẩu Hữu nghị, Chi cục Hải quan cửa khẩu Lao Bảo, Chi cục Hải quan cửa khẩu Mộc Bài.

#### 5. Khai hải quan:

5.1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh đường bộ (dưới đây gọi tắt là doanh nghiệp) là người khai hải quan và làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; Doanh nghiệp chịu trách nhiệm thực hiện về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và về thuế, lệ phí

đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh theo các quy định của pháp luật.

5.2. Trường hợp chủ hàng đề nghị là người khai hải quan thì chủ hàng là người khai hải quan.

6. Quy định về phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và kiểm tra hải quan như sau:

6.1. Loại 1: bao gồm hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là tài liệu, chứng từ thương mại, hàng ngoại giao, hàng không có thuế, hàng có thuế nhưng được miễn thuế theo quy định của pháp luật.

Loại hàng này được miễn kiểm tra thực tế hàng hóa. Trường hợp xét thấy cần thiết thì lãnh đạo Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra xác suất theo tỷ lệ từ 1% đến 5% của cả luồng hàng loại 1. Thực hiện kiểm tra qua thiết bị máy soi hàng hóa.

6.2 Loại 2: bao gồm hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải nộp thuế, có trị giá tính thuế dưới 5 (năm) triệu đồng Việt Nam.

Loại hàng này được miễn kiểm tra thực tế hàng hóa. Trường hợp xét thấy cần thiết thì lãnh đạo Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra xác suất theo tỷ lệ từ 1% đến 5% của cả luồng hàng loại 2. Thực hiện kiểm tra qua thiết bị máy soi hàng hóa hoặc kiểm tra thủ công.

6.3 Loại 3: bao gồm hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải nộp thuế, có trị giá tính thuế trên 5 (năm) triệu đồng Việt Nam, mặt hàng có thuế suất từ 10% trở xuống.

Loại hàng này kiểm tra thực tế 100% qua thiết bị máy soi hàng. Trong trường hợp xét thấy cần thiết thì lãnh đạo Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra xác suất theo tỷ lệ từ 1% đến 10% của cả luồng hàng loại 3. Thực hiện kiểm tra hàng hóa thủ công.

6.4 Loại 4: bao gồm hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc danh mục quản lý chuyên ngành, hàng hóa xuất nhập khẩu có điều kiện, mặt hàng có thuế suất trên 10%, mặt hàng thuộc diện kiểm tra trọng điểm.

Loại hàng này kiểm tra thực tế 100% bằng thủ công.

7. Phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa là phương tiện chuyên dùng của doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu niêm phong hải quan, giám sát hải quan. Khi phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh phải làm thủ tục hải quan theo quy định hiện hành. Phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa theo tuyến đường, cửa khẩu cố định, thường xuyên nhập cảnh, xuất cảnh qua cửa khẩu, người điều khiển phương tiện chỉ phải khai hải quan về phương tiện vận tải 06 tháng 01 lần. Các lần nhập cảnh, xuất cảnh tiếp theo được Hải quan cập nhật theo dõi bằng sổ hoặc bằng máy tính.

8. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (trừ thư, túi ngoại giao, túi lãnh sự, hàng cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu) thuộc loại hình nào thì thực hiện thủ tục hải quan theo đúng quy định đối với loại hình đó.

## **PHẦN B - THỦ TỤC HẢI QUAN CỤ THỂ:**

**I) Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu tại Chi cục Hải quan Bắc Hà Nội, Chi cục Hải quan sân bay quốc tế Đà Nẵng, Chi cục Hải quan sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất:**

### **1. Trước khi chuyển hàng đến:**

#### **1.1. Trách nhiệm của doanh nghiệp:**

1.1.1. Tiếp nhận bản lược khai hàng hóa từ đối tác nước ngoài; chuyển bản lược khai hàng hóa cho Chi cục Hải quan liên quan chậm nhất 2 giờ trước khi chuyển hàng được vận chuyển tới địa điểm làm thủ tục hải quan.

1.1.2 Tiến hành các biện pháp nghiệp vụ, phối hợp cùng Hải quan để xác định và phân loại hàng hóa nhanh chóng, chính xác theo quy định tại điểm 6 phần A nêu trên.

#### **1.2 Khai hải quan:**

1.2.1 Khai hải quan được thực hiện cho từng chuyến hàng. Việc khai hải quan bao gồm cả việc phân loại hàng hóa nhập khẩu thành các loại hàng theo quy định tại điểm 6 phần A nêu trên.

1.2.2 Doanh nghiệp căn cứ nội dung lược khai hàng hóa và các chứng từ kèm theo lô hàng để khai hải quan (riêng luồng hàng loại 1 thì khai theo bản kê chi tiết hàng hóa xuất khẩu / nhập khẩu - mẫu ban hành kèm theo Quyết định này) và có trách nhiệm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ về nội dung khai hải quan.

1.2.3 Doanh nghiệp được khai hải quan riêng cho từng chủ hàng khi được yêu cầu.

1.2.4. Doanh nghiệp gửi nội dung khai hải quan cho Hải quan.

1.2.5. Tiếp nhận thông báo về điều chỉnh nội dung khai từ Hải quan.

#### **1.3 Trách nhiệm của Hải quan:**

1.3.1. Tiếp nhận lược khai hàng hóa và nội dung khai hải quan của doanh nghiệp; trên cơ sở phân tích thông tin trên hệ thống quản lý rủi ro và các biện pháp nghiệp vụ để kiểm tra việc khai hải quan của doanh nghiệp.

1.3.2. Thực hiện điều chỉnh nội dung khai và thông báo lại cho doanh nghiệp nội dung phải điều chỉnh (nếu có) để doanh nghiệp thực hiện.

1.3.3. Nếu không có nội dung khai hải quan phải điều chỉnh thì Hải quan thông báo lại cho doanh nghiệp về quyết định chấp nhận của Hải quan về nội dung khai của doanh nghiệp.

### **2. Khi chuyển hàng đến:**

#### **2.1. Trách nhiệm của doanh nghiệp:**

2.1.1. Căn cứ thông báo của Hải quan đối với từng loại hàng để thực hiện phân loại thực tế hàng hóa.

#### **2.1.2. Giấy tờ phải nộp:**

- Nộp bản kê chi tiết hàng hóa xuất khẩu / nhập khẩu đối với luồng hàng loại 1. Bản kê này có giá trị pháp lý như Tờ khai hải quan thông thường.

- Nộp tờ khai hải quan và các loại giấy tờ liên quan đến từng loại hình hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa thuộc luồng hàng loại 2,3,4.

2.1.3. Xuất trình hàng hóa theo từng luồng hàng đã được Hải quan quyết định để tiến hành kiểm tra hải quan theo quy định tại điểm 6, phần A nêu trên.

2.2. Trách nhiệm của Hải quan:

2.2.1. Giám sát việc doanh nghiệp phân loại thực tế hàng hóa.

2.2.2. Tiếp nhận hồ sơ giấy tờ doanh nghiệp.

2.2.3. Đối với hàng loại 1:

- Thực hiện theo quy định tại điểm 6.1, mục 6, phần I nêu trên.

- Xác nhận trên Bản kê chi tiết "Hàng miễn kiểm tra thực tế, thông quan theo nội dung khai hải quan của doanh nghiệp", ký tên, đóng dấu công chức hải quan.

- Giao cho doanh nghiệp 01 bản kê, lưu 01 bản kê theo quy định.

2.2.4. Đối với hàng loại 2:

- Kiểm tra hồ sơ và thực hiện theo quy định tại điểm 6.2, mục 6, phần I nêu trên.

- Kiểm tra việc tính thuế và thu thuế theo quy định.

- Ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa trên tờ khai hải quan "Hàng hóa được thông quan theo nội dung khai báo của doanh nghiệp", ký tên, đóng dấu công chức hải quan.

- Lưu hồ sơ theo quy định.

2.2.5. Đối với hàng loại 3:

- Tiếp nhận hồ sơ và hàng hóa theo quy định.

- Thực hiện kiểm tra hồ sơ và thực hiện theo quy định tại điểm 6.3, mục 6, phần I nêu trên.

- Kiểm tra việc tính thuế và thu thuế theo quy định.

- Ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa trên tờ khai và quyết định thông quan hàng hóa theo quy định hiện hành.

- Lưu hồ sơ theo quy định.

2.2.6. Đối với hàng loại 4:

- Tiếp nhận hồ sơ và hàng hóa theo quy định.

- Hàng hóa nhập khẩu thuộc loại hình nào thì thực hiện thủ tục hải quan theo đúng quy định hiện hành của loại hình đó. Kiểm tra thủ công 100% hàng hóa trước khi thông quan.

**II) Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu tại Chi cục Hải quan Bắc Hà Nội, Chi cục Hải quan sân bay quốc tế Đà Nẵng, Chi cục Hải quan sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất:**

- Hàng hóa xuất khẩu (bao gồm cả hàng hóa đã làm thủ tục hải quan tại các Chi cục Hải quan khác) được thu gom và làm thủ tục thông quan tại:

+ Chi cục Hải quan Bắc Hà Nội chuyển qua cửa khẩu Hữu nghị để xuất đi Trung quốc;

+ Chi cục Hải quan sân bay quốc tế Đà Nẵng chuyển qua cửa khẩu Lao Bảo để xuất đi Lào/Thái Lan/Singapore/Malaysia;

+ Chi cục Hải quan sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất chuyển qua cửa khẩu Mộc Bài để xuất đi Campuchia.

- Hàng hóa xuất khẩu được thông quan theo quy định tại điểm 6 phần A nêu trên.

- Trường hợp hàng hóa không đủ điều kiện xuất khẩu thì Hải quan thông báo để doanh nghiệp làm thủ tục hoàn trả cho chủ hàng (trừ hàng hóa là mặt hàng cấm xuất khẩu phải xử lý theo quy định của pháp luật).

**1. Trách nhiệm của doanh nghiệp :**

- Làm thủ tục đối với hàng hóa xuất khẩu theo quy định hiện hành đối với từng loại hình hàng hóa xuất khẩu.

- Lập bản lược khai hàng hóa.

- Xếp hàng đã làm thủ tục hải quan vào phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa.

- Tiếp nhận và bảo quản hồ sơ hải quan để chuyển cho Chi cục Hải quan cửa khẩu Lao bảo, cửa khẩu Hữu Nghị, cửa khẩu Mộc Bài.

**2. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan Bắc Hà Nội, Chi cục Hải quan sân bay quốc tế Đà Nẵng, Chi cục Hải quan sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất:**

- Làm thủ tục hải quan theo quy định hiện hành và theo quy định tại điểm 6 phần A nêu trên đối với hàng hóa xuất khẩu chưa làm thủ tục.

- Tiếp nhận hàng hóa đã hoàn thành thủ tục hải quan từ các Chi cục Hải quan khác chuyển đến.

- Giám sát việc gom, xếp hàng và niêm phong hải quan phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa đã làm thủ tục hải quan.

- Lập 2 phiếu chuyển cửa khẩu (theo mẫu ban hành kèm theo Quyết định này).

- Giao hồ sơ có niêm phong hải quan (gồm bản lược khai hàng hóa xuất khẩu, 2 phiếu chuyển cửa khẩu) cho doanh nghiệp để chuyển đến Chi cục Hải quan cửa khẩu Lao bảo, cửa khẩu Hữu Nghị, cửa khẩu Mộc Bài.

**III) Thủ tục chuyển cửa khẩu, quá cảnh đối với hàng hóa nhập khẩu tại các Chi cục Hải quan liên quan:**

**1. Tại Chi cục Hải quan cửa khẩu Lao Bảo, cửa khẩu Hữu Nghị, cửa khẩu Mộc Bài:**

**a) Trách nhiệm của doanh nghiệp:**

- Doanh nghiệp nộp bản lược khai hàng hóa nhập khẩu cho Chi cục Hải quan cửa khẩu Lao Bảo, cửa khẩu Hữu Nghị, cửa khẩu Mộc Bài.

- Xuất trình phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa nhập khẩu.

- Tổ chức thực hiện việc xếp hàng hóa từ phương tiện vận tải của nước ngoài sang phương tiện vận tải của Việt Nam.

**b) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu Lao Bảo, cửa khẩu Hữu Nghị, cửa khẩu Mộc Bài:**

- Tiếp nhận Bản lược khai hàng hóa nhập khẩu.
- Kiểm tra seal của hãng vận tải.
- Giám sát việc xếp hàng hóa từ phương tiện vận tải của nước ngoài sang phương tiện vận tải của Việt Nam.
- Nhằm giảm thiểu tối đa thời gian xếp dỡ hàng hóa tại các cửa khẩu biên giới, doanh nghiệp được trao đổi các phương tiện chứa hàng hóa như kệ sắt, túi chuyên dùng, container thay vì phải bốc dỡ từng kiện hàng nhập khẩu ra khỏi phương tiện nêu trên.
- Niêm phong hải quan phương tiện vận tải chứa hàng hóa nhập khẩu.
- Lập 02 Phiếu chuyển cửa khẩu.
- Giao hồ sơ có niêm phong hải quan (gồm bản lược khai hàng hóa nhập khẩu, 02 Phiếu chuyển cửa khẩu) cho doanh nghiệp để chuyển cho Chi cục Hải quan Bắc Hà Nội, Chi cục Hải quan sân bay quốc tế Đà Nẵng, Chi cục Hải quan sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất.

**2. Tại Chi cục Hải quan Bắc Hà Nội, Chi cục Hải quan sân bay quốc tế Đà Nẵng, Chi cục Hải quan sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất:**

**a) Trách nhiệm của doanh nghiệp:**

- Nộp hồ sơ do Chi cục Hải quan cửa khẩu Lao Bảo, cửa khẩu Hữu Nghị, cửa khẩu Mộc Bài chuyển cho Chi cục Hải quan Bắc Hà nội, Chi cục Hải quan sân bay quốc tế Đà Nẵng, Chi cục Hải quan sân bay Tân Sơn Nhất.
- Xuất trình phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa nhập khẩu.
- Chứng kiến Hải quan kiểm tra tình trạng seal, niêm phong hải quan.
- Dỡ hàng hóa từ phương tiện vận tải đưa vào kho chứa hàng.
- Lập bản kê hàng chuyển cửa khẩu (ký tên, đóng dấu doanh nghiệp). Nội dung bản kê gồm: Họ tên, địa chỉ người nhận, tên hàng hóa, đơn vị tính, lượng hàng, trị giá.
- Đề nghị Hải quan làm thủ tục chuyển cửa khẩu đối với hàng hóa nhập chuyển cửa khẩu sau khi phân loại.
- Lập bản kê hàng quá cảnh (ký tên, đóng dấu doanh nghiệp). Nội dung bản kê gồm: Họ tên, địa chỉ người nhận, tên hàng hóa, đơn vị tính, lượng hàng, trị giá.
- Đề nghị Hải quan làm thủ tục đối với hàng hóa nhập khẩu quá cảnh ngay sau khi kết thúc việc phân loại.
- Đối với hàng quá cảnh của nhiều chủ hàng, Công ty được phép khai hải quan chung 01 tờ khai hàng quá cảnh (HQ/2002-QC), kèm bản kê hàng quá cảnh và làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan.

#### **b) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan:**

- Tiếp nhận hồ sơ do doanh nghiệp nộp, kiểm tra niêm phong hải quan hồ sơ.

- Tiếp nhận phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa, kiểm tra tình trạng seal, niêm phong hải quan, đối chiếu với nội dung xác nhận của Chi cục Hải quan cửa khẩu Lao Bảo, cửa khẩu Hữu Nghị, cửa khẩu Mộc Bài trên Phiếu chuyển cửa khẩu.

- Xác nhận đầy đủ nội dung quy định trên phiếu; lưu 01 phiếu; chuyển trả 01 phiếu cho Chi cục Hải quan cửa khẩu Lao Bảo/ Hữu Nghị/ Mộc Bài.

- Giám sát doanh nghiệp dỡ hàng hóa từ phương tiện vận tải vào kho chứa hàng và phân loại thực tế hàng hóa.

- Làm thủ tục thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu theo đề nghị của doanh nghiệp.

- Làm thủ tục chuyển cửa khẩu đối với hàng hóa nhập chuyển cửa khẩu theo đề nghị của doanh nghiệp:

+ Lập 02 Phiếu chuyển cửa khẩu gửi cho Chi cục Hải quan nơi hàng đến.

+ Giao hồ sơ có niêm phong hải quan (gồm Bản kê hàng hóa nhập khẩu, 02 Phiếu chuyển cửa khẩu) cho doanh nghiệp để chuyển đến Chi cục Hải quan nơi hàng đến.

- Làm thủ tục đối với hàng hoá nhập khẩu quá cảnh theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ.

- Niêm phong hải quan phương tiện vận tải vận chuyển hàng chuyển cửa khẩu hoặc niêm phong hải quan cổ túi, kệ sắt chuyên dùng chứa hàng chuyển cửa khẩu khi hàng hóa được vận chuyển bằng các phương tiện vận tải khác.

#### **IV) Thủ tục chuyển cửa khẩu, quá cảnh đối với hàng hóa xuất khẩu tại các Chi cục Hải quan liên quan:**

Trình tự thủ tục chuyển cửa khẩu, quá cảnh đối với hàng xuất khẩu được thực hiện ngược lại so với quy định về thủ tục hải quan chuyển cửa khẩu, quá cảnh đối với hàng hóa nhập khẩu nêu tại mục III, phần B nêu trên.

#### **PHẦN C - XỬ LÝ VI PHẠM:**

Mọi hành vi vi phạm các quy định tại Quyết định này sẽ bị xử lý theo các quy định hiện hành của pháp luật.

#### **PHẦN D - TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố và doanh nghiệp liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Quyết định này.

2. Sau 12 tháng, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm với các đơn vị liên quan và báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện./.



BỘ TÀI CHÍNH  
Tổng cục Hải quan

Cục HQ tỉnh, TP:.....

Chi cục HQ:.....

Số: .....ngày .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**Phiếu chuyển cửa khẩu hàng hóa xuất khẩu / nhập khẩu,  
quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh đường bộ**

**I. Phần dành cho Hải quan nơi lập phiếu:**

Kính chuyển Chi cục Hải quan:.....

Lô hàng xuất khẩu / nhập khẩu được chuyển để làm thủ tục hải quan.

Thời gian chuyển: Hôm.....giờ.....ngày .....tháng .....năm 200

Phương tiện vận chuyển: .....Biển kiểm soát số :.....

Số lượng túi, gói:.....; Số hiệu cont:.....; Số seal hăng vận tải:.....

Niêm phong hải quan:.....

Giấy tờ kèm theo:.....

Công chức Hải quan lập phiếu ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu công chức.....

Nhân viên công ty tiếp nhận phiếu ký tên, ghi rõ họ tên:.....

**II. Phần dành cho Hải quan nơi tiếp nhận phiếu chuyển:**

Thời gian tiếp nhận: Hôm.....giờ .....ngày.....tháng.....năm 200

Xác nhận tình trạng thực tế về niêm phong hải quan, seal hăng vận tải, hồ sơ tiếp nhận (nếu có biên bản thì ghi cả số biên bản):

Công chức Hải quan tiếp nhận phiếu ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu công chức:.....

Nhân viên công ty tiếp nhận hàng hóa ký tên, ghi rõ họ tên :.....

**Hải quan nơi lập phiếu**

Ngày tháng năm 200

(Ký tên, đóng dấu nghiệp vụ)

**Hải quan nơi tiếp nhận phiếu**

Ngày tháng năm 200

(Ký tên, đóng dấu nghiệp vụ)

**Ghi chú:**

- Trường hợp lô hàng được chuyển nguyên cont. không phải ghi số lượng túi, gói.
- Nếu là hàng hóa nhập khẩu thì gạch bỏ chữ xuất khẩu và ngược lại.

